

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỘI AN**
Bản án số:154 /2017/HNGĐ-ST
Ngày 15-8- 2017
V/v "Xin ly hôn".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỘI AN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhạn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thúy Diễm.

2. Ông Phạm Công Định.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Cẩn- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hội An tham gia phiên toà: Bà Phùng Thị Bông - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hội An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2017/TL.ST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2017 về việc “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 20.7.2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông T, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: đường Đ, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam. “*Có mặt*”.

Bị đơn: Bà M, sinh năm 1985.

Địa chỉ: đường Đ, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam. “*Vắng mặt*”, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 18.5.2017, được trình bày bổ sung vào các ngày 30.5.2017, 06.6.2017 và tại phiên toà hôm nay, ông T trình bày: Ông và bà M kết hôn vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, Hội An, Quảng Nam. Hôn nhân giữa hai người là hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian từ khi kết hôn đến năm 2015 vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng từ cuối năm 2015 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và đỉnh điểm là năm 2017 khi vợ ông cùng con gái nhỏ về nhà cha mẹ ruột cho đến nay. Nguyên nhân là do vợ ông thường xuyên đi làm về trễ và cũng thường xuyên nhận quà từ người lạ, vợ ông đã có quan hệ với người đàn ông khác bên ngoài, từ đó cuộc sống gia đình luôn xích mích. Hiện vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà M.

Về con chung: vợ chồng ông có hai con chung tên là P, sinh ngày 03.8.2005 và C, sinh ngày 26.8.2012. Sau khi ly hôn ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con P, vợ ông trực tiếp nuôi con C, ông và bà M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung: Vợ chồng ông tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời tự khai của bà M vào các ngày 06.6.2017; 23.6.2017 và đơn xin xét xử vắng mặt bà M cũng xác nhận bà và ông T kết hôn vào năm 2005, việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn đúng như ông T trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau về tính cách, bản chất, quan điểm sống, từ đó dẫn đến mâu thuẫn ngày càng lớn, đến nay mâu thuẫn đã trầm trọng tới mức không thể giải quyết dù đã được hai bên gia đình và hàng xóm khuyên giải, tình cảm vợ chồng đã hết, cả hai đều muốn giải thoát cho nhau, không thể tiếp tục chung sống cũng như duy trì quan hệ hôn nhân này thêm nữa, bà cũng yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: vợ chồng bà có hai con chung tên là P, sinh ngày 03.8.2005 và C, sinh ngày 26.8.2012. Sau khi ly hôn bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con C, ông T trực tiếp nuôi con P, bà và ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hội An về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Thư ký chấp hành đúng các quy định tại Điều 51, Điều 237 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các giấy triệu tập của Tòa án. Bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Về nội dung vụ án: nhận thấy việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông T, ông T được ly hôn với bà M.

2. Về con chung: có 02 con chung, giao P, sinh ngày 03/8/2005, cho ông T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giao C, sinh ngày 26/8/2012, cho bà M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng cho ai nuôi con.

3. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Ông T và bà M đều có nguyện vọng lựa chọn Tòa án nơi ông T cư trú giải quyết. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án, bà M đã làm đơn trình bày ý kiến và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì lý do đang cư trú và làm ăn xa, đồng thời vì lý do sức khỏe nên không đến Tòa án được. Sau khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, tòa án cũng đã gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bà và bà cũng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà. Vì vậy căn cứ các Điều 207, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà M.

Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử nhận thấy, ông T và bà M kết hôn trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Cẩm Phô, Hội An theo quy định của pháp luật vào năm 2005 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống đến cuối năm 2015 vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T nghi ngờ bà M có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác bên ngoài. Cuối tháng 3 năm 2017 bà M đã bỏ về quê tại , thôn H, xã V, huyện L, tỉnh Thừa Thiên Huế sống với bố mẹ, bà M dẫn theo con gái C, con trai P để lại cho ông T nuôi dưỡng, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay ông T xác nhận vợ chồng không còn tình cảm gì nữa. Trong đơn trình bày ý kiến bà M đã xác định không thể tiếp tục cuộc hôn nhân này thêm được nữa vì mâu thuẫn đã quá trầm trọng, bà muốn ly hôn để giải thoát cho cả hai. Tại biên bản xác minh ngày 14 tháng 7 năm 2017 (bút lục số 24) chính quyền địa phương nơi ông T, bà M chung sống cho biết hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, chính quyền địa phương đã hòa giải nhưng hiện nay cả hai không còn chung sống với nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Ông T và bà M có hai con chung tên là P, sinh ngày 03.8.2005 và C, sinh ngày 26.8.2012. Ông T và bà M đã thỏa thuận sau khi ly hôn ông T trực tiếp nuôi con P, tại bản trình bày ý kiến ngày 15.6.2017 cháu P cũng có nguyện vọng xin được ở cùng ba T ; bà M trực tiếp nuôi con C, ông T và bà M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Do đó, Hội đồng xét xử thấy nên chấp nhận sự thỏa thuận về trực tiếp nuôi con chung của các bên.

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Ông T phải chịu án phí vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông T và bà M.

2. Về con chung: Giao cháu P, sinh ngày 03.8.2005 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu C, sinh ngày 26.8.2012 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T và bà M không phải cấp dưỡng nuôi con chung; ông T và bà M có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) ông T phải nộp, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009259 ngày 29.5.2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Hội An. Ông T đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn ông T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND thành phố Hội An
- Các đương sự
- Thi hành án.
- UBND phường Cẩm Phô.
- L- u hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Nhạn